TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

B¶n ¸n sè: 43/2022/HNG§-ST
Ngµy 08-7-2022
V/v "Tranh chấp
Hôn N và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm N dân*:

1. Bà Dương Thị Hoa
2. Ông Nguyễn Đức Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án N dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2022 về "Tranh chấp hôn N và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Chị Phạm Thị N, sinh năm 1999 (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Nơi ĐKHKTT: Thôn Yên Sơn, xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Hiện trú tại: Xóm Mai Trang, xã Thanh Mai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

**** Bị đơn:*** *Anh Hoàng Đức T, sinh năm 1997 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Yên Sơn, xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn xin ly hôn ngày 28/02/2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:*

Chị và anh Hoàng Đức T kết hôn ngày 25/3/2019, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau thuê phòng trọ tại Bắc Ninh. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 5/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên N mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh T ham chơi không chịu làm ăn, hai vợ

chồng có cãi vã nhau, gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nhưng anh T không chịu cải sửa, làm ăn. Tháng 01/2022 chị đã cùng con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Mai Trang, xã Thanh Mai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An sinh sống. Từ đó thì hai vợ chồng ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn N không đạt được nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Hoàng Việt Khang, sinh ngày 13/11/2019. Hiện con chung đang ở với chị do chị nuôi dưỡng từ nhỏ cho đến nay phát triển bình thường, anh T không thăm nom chăm sóc con khi chị cùng con về ngoại. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện chị đang làm công N Công ty Lacxe ở Nghệ An thu nhập trung bình một tháng khoảng gần 6.000.000 đồng/tháng. Thời gian làm việc giờ hành chính 8 tiếng/ngày, được nghỉ chủ nhật. Chị về ở với bố mẹ đẻ có nhà đất, khi chị đi làm thì mẹ chị sẽ giúp chị đưa đón, chăm sóc cháu. Chị có đủ điều kiện và thời gian chăm sóc con chung.

Tài sản chung, nghĩa vu chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đối với anh Hoàng Đức T là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc, xét xử của Tòa án anh T đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh T về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp bản tự khai và những tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng anh T không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Hoàng Đức T vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị N có đơn xin xét xử vắng mặt chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh T không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn N gia đình; Khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn N: Cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Hoàng Đức T.

Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng con chung là Hoàng Việt Khang, sinh ngày 13/11/2019. Vấn đề cấp dưỡng chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn N gia đình giữa chị N và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T có nơi cư trú: Thôn Yên Sơn, xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án N dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị N vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Phạm Thị N. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn N: Giữa chị N và anh T xác lập quan hệ hôn N là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn N và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn N hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh T có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, anh T ham chơi không chịu làn ăn, hai vợ chồng cãi vã nhau. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị N, chị xác định mâu thuẫn của hai vợ chồng thì gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nhưng anh T không chịu cải sửa, làm ăn. Hai vợ chồng chị ly thân nhau từ tháng 01/2022 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh T, thông báo hòa giải anh T cũng không đến để Tòa án hòa giải và không có ý kiến gì để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị N, anh T vào năm 2019 có xảy ra mâu thuẫn, đến đầu năm 2022 thì chị N và anh T không chung sống cùng nhau nữa. Xét mâu thuẫn giữa chị N, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn N và gia đình.

* Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Việt Khang, sinh ngày 13/11/2019. Hiện nay con chung đang ở với chị N từ nhỏ cho đến nay phát triển bình thường. Ly hôn chị nhận tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị đang làm công N Công ty Lacxe ở Nghệ An thu nhập trung bình một tháng khoảng gần 6.000.000 đồng/tháng. Thời gian làm việc giờ hành chính 8 tiếng/ngày, được nghỉ chủ nhật. Chị về ở với bố mẹ đẻ có nhà đất, khi chị đi làm thì mẹ chị sẽ giúp

chị đưa đón, chăm sóc cháu. Chị có đủ điều kiện và thời gian chăm sóc con chung.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cháu Khang ở với chị N từ nhỏ phát triển bình thường, cháu Khang hiện còn nhỏ chưa được 3 tuổi, chị N có thu nhập, có đủ điều kiện để chăm sóc con chung nên cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng con chung của chị N và giao cháu Khang cho chị N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn N gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Khang. Sau khi ly hôn, anh Hoàng Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn N gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn N: Cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Hoàng Đức T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Hoàng Việt Khang, sinh ngày 13/11/2019. Vấn đề cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0006283 ngày 25/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận chị Phạm Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS Việt Yên;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã Nghĩa Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân